

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2020/QĐXXST-HN ngày 21 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 235/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 165/5, đường Nguyễn Tri Phương, tổ 9, khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 173/2, đường Nguyễn Tri Phương, tổ 11, khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị C có mặt tại phiên tòa; Anh Ph vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thu C trình bày: Năm 2002, chị Trần Thị Thu C và anh Nguyễn Hữu Ph tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (nay là phường L, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 230/HT, quyển số II/2005,

ngày 25/07/2005. Sau lễ cưới, chị C và anh Ph cùng sống bên gia đình cha mẹ ruột của anh Ph tại số nhà 173/2, đường Nguyễn Tri Phương, tổ 11, khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh Ph bỏ nhà đi từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay và từ đó anh Ph không còn liên lạc với chị C, không điện thoại về hỏi thăm con chung. Anh Ph đi đâu, làm gì thì chị C không biết. Nhận thấy tình cảm của chị C đối với anh Ph đã hết, chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu Ph.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị C và anh Ph có 02 con chung tên: Nguyễn Hữu L, sinh ngày 10/6/2004 và Nguyễn Như Y, sinh ngày 12/02/2013.

Hiện 02 con chung đang sống chung với chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 204/TB-TLVA ngày 06/5/2020 cho anh Nguyễn Hữu Ph thông qua người thân là ông Nguyễn Phú Q (cha ruột anh Ph) nhận thay nhưng anh Ph không liên hệ với gia đình nên ông Quới không biết anh Ph đang ở đâu để thông báo cho anh Ph biết.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Ph vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung được. Ngày 29/6/2020, Tòa án ban hành Thông báo số 461/TB-TA và ngày 21/7/2020, Tòa án ban hành Thông báo số 525/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Nguyễn Hữu Ph được biết thông qua việc tổng đạt cho người thân nhận thay (ông Nguyễn Phú Q cha ruột anh Ph) nhưng anh Ph không gửi văn bản ý kiến của anh Ph cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị C kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Ph.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh Công An phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh Ban khóm D, phường L, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh (ghi lời khai) ông Nguyễn Phú Q; Biên bản xác minh (ghi lời khai) của cháu Nguyễn Hữu L và Nguyễn Như Y. Cụ thể như sau:

- Công an phường L, thị xã T, tỉnh An Giang cho biết: Anh Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1981, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 11, khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang chung với chủ hộ ông Nguyễn Phú Q (cha ruột anh Ph).

Hiện nay, anh Ph vắng mặt tại địa phương. Anh Ph đi đâu, làm gì địa phương không rõ.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ phường L, thị xã T, tỉnh An Giang cho biết: Chị Trần Thị Thu C và anh Nguyễn Hữu Ph là vợ chồng quá trình chung sống anh Ph và chị C có mâu thuẫn gì không thì Hội Phụ nữ không biết. Hiện nay, anh Ph vắng mặt tại địa phương. Chị C thường sinh sống tại địa phương và trực tiếp nuôi dạy hai con chung của chị C và anh Ph (cháu Nguyễn Hữu L, sinh năm 2004 và Nguyễn Như Y, sinh năm 2013). Hai cháu ở địa phương được đi học đúng độ tuổi. Chị C và gia đình chị C có thu nhập ổn định, kinh tế khá, đủ khả năng nuôi dạy hai con chung.

- Ban khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang cung cấp: Chị Trần Thị Thu C và anh Nguyễn Hữu Ph có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Vợ chồng anh Ph và chị C có mâu thuẫn thế nào Ban khóm không biết. Anh Ph vắng mặt tại địa phương từ tháng 9/2019 cho đến nay. Vợ chồng chị C và anh Ph có hai con chung tên Nguyễn Hữu L, sinh năm 2004 và Nguyễn Như Y, sinh năm 2013. Hiện hai con chung do chị C nuôi dạy tốt, đi học đúng độ tuổi.

- Ông Nguyễn Phú Q cung cấp: Ông (Q) là cha ruột của Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1981. Ông Q không biết hiện nay Ph đang ở đâu vì Ph không liên hệ với gia đình. Ông Q có nhận thay Ph hai văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt cho Ph nhưng Ph không liên hệ với gia đình nên ông Q mới không biết Ph đang ở đâu để thông báo cho Ph biết. C và Ph tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp nhận đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới khoảng năm 2003. Sau lễ cưới, C và Ph về sống chung với gia đình ông Q tại tổ 11, khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống vợ chồng Ph và C có mâu thuẫn gì thì ông Q không biết. C và Ph có nhà riêng, nhưng không thường xuyên ở nhà. C thì hay về nhà cha mẹ ruột của C. Ph đi làm ăn xa ở nhiều nơi. Ph không liên hệ với gia đình. Thời gian Ph đi làm xa có gửi tiền về cho C nuôi các con nhưng khoảng tháng 9, 10 năm 2019 thì Ph không có gửi tiền về cho C nuôi con và cũng không liên hệ với C nên C yêu cầu ly hôn Ph. C và Ph có hai con chung tên Nguyễn Hữu L, sinh năm 2004 và Nguyễn Như Y, sinh năm 2013. Hiện hai con do C nuôi dạy, C nuôi dạy con tốt, C có thu nhập ổn định.

- Biên bản ghi lời khai các cháu Nguyễn Hữu L và Nguyễn Như Y: Cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 10/6/2004, cháu đang học lớp 9, trường Trung học cơ sở Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Cháu Nguyễn Như Y, sinh ngày 12/02/2013, cháu đang học lớp 01, trường Tiểu học Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Cháu L và cháu Như Y là con của anh Nguyễn Hữu Ph và chị Trần Thị Thu C. Từ trước cho đến nay cháu L và Như Y sống chung với chị C và bà ngoại. Nếu cha mẹ ly hôn, các cháu L và Như Y có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị C, vì hằng ngày các cháu đều sống chung với chị C và chị C đã chăm sóc, nuôi dạy hai cháu, hiện tại hai cháu có cuộc sống đầy đủ và được đi học.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Năm 2002, chị C và anh Nguyễn Hữu Ph tự tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2005 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, chị C và anh Ph chung sống hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh Ph bỏ nhà đi từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay và từ đó anh Ph không còn liên lạc với chị C, không điện thoại về hỏi thăm con chung. Anh Ph đi đâu, làm gì thì chị C không biết. Tình cảm của chị C và anh Ph đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Chị C yêu cầu ly hôn với anh Ph là có căn cứ.

Về con chung: Cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 10/6/2004 và Nguyễn Như Y, sinh ngày 12/02/2013, hiện 02 cháu đang sống với chị C. Cháu L và Như Y có nguyện vọng được sống với chị C; Chị C có yêu cầu được nuôi dạy cháu L và Như Y, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung. Chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu C được ly hôn anh Nguyễn Hữu Ph.

Về con chung: Chị Trần Thị Thu C được nuôi dạy cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 10/6/2004 và Nguyễn Như Y, sinh ngày 12/02/2013. Anh Nguyễn Hữu Ph không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Thu C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu Ph. Anh Ph có nơi cư trú: Tổ 11, khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Hữu Ph được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2002, chị C và anh Nguyễn Hữu Ph tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (nay là phường L, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 230/HT, quyển số II/2005, ngày 25/07/2005, không vi phạm điều kiện cấm kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị C khai, sau lễ cưới, chị C và anh Ph sống bên gia đình cha mẹ ruột của anh Ph tại số nhà 173/2, đường Nguyễn Tri Phương, tổ 11, khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh Ph bỏ nhà đi từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay và từ đó anh Ph không còn liên lạc với chị C, không điện thoại về hỏi thăm con chung. Anh Ph đi đâu, làm gì thì chị C không biết. Nhận thấy tình cảm của chị C đối với anh Ph đã hết, chị C kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu Ph.

Biên bản xác minh (ghi lời khai) của ông Nguyễn Phú Q: Quá trình chung sống vợ chồng Ph và C có mâu thuẫn gì thì ông Q không biết. Ph và C có nhà riêng nhưng không thường xuyên sống chung, C về nhà cha mẹ ruột sống, Ph đi làm ăn xa nhiều nơi, không liên hệ với gia đình.

Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ phường L, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang: Hội Liên hiệp Phụ nữ phường không biết quá trình chung sống

của vợ chồng anh Ph và chị C có mâu thuẫn gì và Hội Phụ nữ cũng không tiếp nhận đơn về trường hợp anh Ph có hành vi bạo hành đối với chị C.

Biên bản xác minh Ban khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang: Ở địa phương, anh Ph và chị C chấp hành tốt quy định tại địa phương, không vướng vào các tệ nạn xã hội. Vợ chồng anh Ph và chị C có mâu thuẫn thế nào Ban khóm không biết. Hiện nay, anh Ph không có mặt tại địa phương, anh Ph vắng mặt tại địa phương từ tháng 9/2019 cho đến nay

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị C và anh Ph phát sinh mâu thuẫn từ tháng 7 năm 2019 và sống xa nhau từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, anh Ph không tìm đến chị C để hàn gắn tình cảm gia đình. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị C và anh Ph hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh Ph vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy anh Ph chưa thật sự hàn gắn tình cảm với chị C.

Tình trạng vợ chồng chị C và anh Ph đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị C. Xét, cho chị C ly hôn với anh Ph là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên: Nguyễn Hữu L, sinh ngày 10/6/2004 và Nguyễn Như Y, sinh ngày 12/02/2013; Không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

Biên bản lời khai cháu L và Như Y có nguyện vọng được sống với mẹ C và bà Ngoại vì có cuộc sống đầy đủ và được đi học.

Biên bản xác minh Hội liên Hiệp Phụ nữ phường L: Chị C trực tiếp nuôi dạy cháu Nguyễn Hữu L, sinh năm 2004 và Nguyễn Như Y, sinh năm 2013. Hai cháu ở địa phương được đi học đúng độ tuổi. Chị C và gia đình chị C có thu nhập ổn định, kinh tế khá, đủ khả năng nuôi dạy hai con chung.

Biên bản xác minh Ban khóm Long Thạnh D, phường L: Ở địa phương, chị C chấp hành tốt quy định, hai con chung do chị C nuôi dạy. Hai cháu được chị C nuôi dạy tốt, đi học đúng độ tuổi.

Biên bản xác minh ông Nguyễn Phú Q (cha ruột anh Ph): Hai con do C nuôi dạy, C nuôi dạy con tốt, C có thu nhập ổn định. C làm chủ hụi và cho vay tiền, C và gia đình C kinh tế khá.

Xét, chị C yêu cầu được nuôi dạy 02 con chung Nguyễn Hữu L, sinh ngày 10/6/2004 và Nguyễn Như Y, sinh ngày 12/02/2013, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Trần Thị Thu C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được

cản trở anh Nguyễn Hữu Ph trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Anh Ph không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu C.

Chị Trần Thị Thu C được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Ph.

Giấy chứng nhận kết hôn số 230/HT, quyền số II/2005, ngày 25/07/2005, do Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (nay là phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang cấp cho chị Trần Thị Thu C và anh Nguyễn Hữu Ph không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Trần Thị Thu C được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên: Nguyễn Hữu L, sinh ngày 10/6/2004 và Nguyễn Như Y, sinh ngày 12/02/2013. Anh Nguyễn Hữu Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Thu C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Hữu Ph trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trần Thị Thu C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/0002590 ngày

04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Trần Thị Thu C đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Hữu Ph không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị C là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Ph là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết